

Số: 878 /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ, về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách huyện và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của huyện Cẩm Mỹ năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ, về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 của huyện Cẩm Mỹ;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – KH tại Tờ trình số 54/TTr-TCKH ngày 15/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn huyện. (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể huyện; UBND các xã tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài Chính;
- Sở KH&ĐT
- Huyện Ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-TH (các khối).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 878 /QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị: Triệu đồng		So sánh ước thực hiện với	
		Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	Dự toán 3=2/1	Cùng kỳ 4
A	B				
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	131.020	104.412	79,69	153,34
I	Thu nội địa	131.020	104.412	79,69	153,34
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		707	-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	32.500	19.727	60,70	134,13
4	Thuế thu nhập cá nhân	28.300	21.865	77,26	160,64
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	-
6	Lệ phí trước bạ	52.000	43.891	84,41	170,87
7	Thu phí, lệ phí	4.000	2.296	57,40	136,34
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.220	13.979	224,74	179,19
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			-	-
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	220	126	57,27	118,87
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	6.000	13.607	226,78	190,17
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		246	-	45,56
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>			-	-
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	963	462	47,98	111,86
11	Thu ngân sách khác	7.037	1.485	21,10	35,45
II	Thu viện trợ			-	-
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỚNG THEO PHÂN CẤP	89.013	74.030	83,17	177,57
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	56.940	46.321	81,35	162,51
2	Từ các khoản thu phân chia	32.073	27.709	86,39	210,12



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM MỸ**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 878 /QĐ-UBND ngày 15 /11/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 1	Thực hiện 6 tháng 2	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán 3=2/1	Cùng kỳ 4
A	B				
	TỔNG CHI NSNN HUYỆN	698.956	333.363	47,69	87,86
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	682.043	333.363	48,88	87,86
I	Chi đầu tư phát triển	144.756	72.170	49,86	59,93
1	Chi đầu tư cho các dự án	144.756	72.170	49,86	59,93
2	Chi đầu tư phát triển khác			-	-
II	Chi thường xuyên	522.950	261.193	49,95	100,83
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	298.483	145.969	48,90	102,27
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.350	3.893	116,21	75.009,63
4	Chi Văn hoá thông tin	2.040	1.192	58,43	87,50
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.820	994	54,62	108,44
6	Chi thể dục thể thao	1.152	601	52,17	112,54
7	Chi bảo vệ môi trường	11.200	5.536	49,43	64,59
8	Chi hoạt động kinh tế	61.261	7.636	12,46	51,36
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	102.520	57.558	56,14	103,87
10	Chi bảo đảm xã hội	28.312	19.184	67,76	122,01
11	Chi khác	12.812	1.061	8,28	254,12
III	Dự phòng ngân sách	14.337			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ

CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 3=2/1	Cùng kỳ năm trước 4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	131.020	104.412	79,69	153,34
I	Thu cân đối NSNN	131.020	104.412	79,69	153,34
1	Thu nội địa	131.020	104.412	79,69	153,34
2	Thu viện trợ			-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			-	-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	731.190	333.363	45,59	87,86
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	714.277	333.363	46,67	87,86
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	144.756	72.170	49,86	59,93
2	Chi thường xuyên	555.184	261.193	47,05	100,83
3	Dự phòng ngân sách	14.337		0,00	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		0	-	-